



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng HK31)

Ngày nhận mẫu	Thời gian thử nghiệm	Kí hiệu mẫu	Mùi vị	Độ Đục	pH	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Chỉ số Pecma nganat	Cl ⁻	Độ cứng	Fe _{TP}	As	Mn	Vi sinh		Clo đư
															Colifor m	E.coli	
Đơn vị tính				NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100 ml	CFU/100 ml	mg/l
QCVN 01:2009/BYT			Không có mùi vị lạ	2	6.5- 8.5	3	3	50	2	250	300	0.3	0.01	0.3	0	0	0.3- 0.5
05/06/2020	05- 10/06/20	0620.819/3349	Không có mùi vị lạ	0.155	7.35	0	0	0.4	0.706	9.12	105	0.03	KPH (LOD = 0.003mg/L)	KPH (LOD = 0.025mg/L)	0	0	0.35
12/06/2020	12- 17/06/20	0620.861/3525	Không có mùi vị lạ	0.227	7.43	0	0	0.4	0.832	8.56	109	0	KPH (LOD = 0.003mg/L)	KPH (LOD = 0.025mg/L)	0	0	0.40
23/06/2020	23- 29/06/20	0620.927/3730	Không có mùi vị lạ	0.164	7.94	0	0	0.5	0.320	8.51	90	0.01	KPH (LOD = 0.003mg/L)	KPH (LOD = 0.025mg/L)	0	0	0.40

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2020

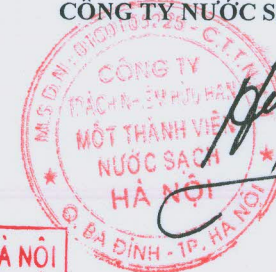
KIỂM NGHIỆM VIÊN

Đặng Tiến Hưng

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Phương Linh

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI



Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng.
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/
The test result are printed in 02 copies: 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department

HAWACOM.L.P.F 12/03

Lần ban hành: 01

CÔNG VĂN ĐẾN

Soát xét: 158

Ngày 14 tháng 08 năm 2020

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Tiến Hưng

Trang: 1 / 3



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



VILAS 1086

PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng HK31)

PHỤ LỤC PHƯƠNG PHÁP THỬ

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	Xác định mùi vị (*)	HAWACOM.L.G.C.M.01 (Reference: SMEWW 2150 : 2017 / TCVN 9719: 2013)
2	Độ đục (*)	SMEWW 2130 : 2017
3	Xác định pH (*)	TCVN 6492:2011
4	Xác định độ cứng, tính theo CaCO_3 (*) Phương pháp chuẩn độ EDTA	SMEWW 2340 C : 2017
5	Xác định hàm lượng Clorua (*) Chuẩn độ bạc Nitrat với chỉ thị cromat Phương pháp Mo	TCVN 6194:1996
6	Xác định chỉ số Pemanganat (*) Phương pháp chuẩn độ	TCVN 6186 :1996
7	Xác định hàm lượng sắt (Fe) Phương pháp Thiocyanate	HAWACOM.L.G.C.M 22
8	Xác định hàm lượng As (*) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS – GF	SMEWW 3113B:2017

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/

The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/

The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng HK31)

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
9	Xác định hàm lượng Mangan (*) Phương pháp AAS – F	SMEWW 3111B:2017
10	Xác định Amoni (NH_4^+) Phương pháp Nessler	HAWACOM.L.G.C.M 25
11	Xác định Nitrite (NO_2^-) Phương pháp so màu	HAWACOM.L.G.C.M 26
12	Xác định Nitrate (NO_3^-) Phương pháp Hach	HAWACOM.L.G.C.M 40
13	Định lượng Coliform (*) Phần 1: Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2009
14	Định lượng E.coli (*) Phần 1: Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2009
15	Xác định hàm lượng Clo dư Phương pháp chuẩn độ	SMEWW 4500 Cl- F 2017

Ghi chú:

“*” : Các chỉ tiêu đã được BoA công nhận đạt chuẩn ISO 17025:2017.

“KPH”: Không phát hiện.

“LOD”: Giới hạn phát hiện.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/

The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/

The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department

HAWACOM.L.P.F 12/03

Lần ban hành: 01

Soát xét:

Trang: 3 / 3



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



VILAS 1086

PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SAU XỬ LÝ
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng TD 03)

Ngày nhận mẫu	Thời gian thử nghiệm	Kí hiệu mẫu	Mùi vị	Độ Đục	pH	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Chỉ số Pecma nganat	Cl ⁻	Độ cứng	Fe _{TP}	As	Mn	Vi sinh		Clo dư
															Coliform	E.coli	
Đơn vị tính				NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100 ml	CFU/100 ml	mg/l
QCVN 01:2009/BYT			Không có mùi vị lạ	2	6.5-8.5	3	3	50	2	250	300	0.3	0.01	0.3	0	0	0.3-0.5
01/06/2020	01-06/06/20	0620.796/3265	Không có mùi vị lạ	0.060	7.26	0	0	0.6	0.576	21.16	230	0	0.007767	<0.050	0	0	0.55
11/06/2020	11-16/06/20	0620.347/3493	Không có mùi vị lạ	0.054	7.13	0	0	0.7	0.192	21.18	224	0	0.007725	0.053	0	0	0.52
18/06/2020	18-23/06/20	0620.900/3624	Không có mùi vị lạ	0.013	7.47	0	0	0.9	1.152	25.61	200	0	0.007858	KPH (LOD=0.025 mg/L)	0	0	0.57

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Đặng Tiến Hưng

Nguyễn Thị Phương Linh



Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/
The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department

HAWACOM.L.P.F 12/03

Lần ban hành: 01

Soát xét:

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Tiến Hưng
Trang: 1 / 3



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SAU XỬ LÝ
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng TD 03)

PHỤ LỤC PHƯƠNG PHÁP THỬ

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	Xác định mùi vị (*)	HAWACOM.L.G.C.M.01 (Reference: SMEWW 2150 : 2017 / TCVN 9719: 2013)
2	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996 (ISO 7027: 1990) / SMEWW 2130 : 2017
3	Xác định pH (*)	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) / SMEWW 4500 H ⁺ : 2017
4	Xác định độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*) Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224:1996 / SMEWW 2340 C : 2017
5	Xác định hàm lượng Clorua (*) Chuẩn độ bạc Nitrat với chỉ thị cromat Phương pháp Mo	TCVN 6194:1996 (ISO 9297: 1989) / SMEWW 4500 Cl ⁻ B 2017
6	Xác định chỉ số Pemanganat (*) Phương pháp chuẩn độ	TCVN 6186 :1996 (ISO 8467 : 1993)
7	Xác định hàm lượng sắt (Fe) Phương pháp Thiocyanate	HAWACOM.L.G.C.M 22
8	Xác định hàm lượng As (*) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS – GF	SMEWW 3113B - 2017

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/
The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SAU XỬ LÝ
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng TD 03)

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
9	Xác định hàm lượng Mangan (*) Phương pháp AAS – F	SMEWW 3111B:2017
10	Xác định Amoni (NH_4^+) Phương pháp Nessler	HAWACOM.L.G.C.M 25
11	Xác định Nitrite (NO_2^-) Phương pháp so màu	HAWACOM.L.G.C.M 26
12	Xác định Nitrate (NO_3^-) Phương pháp Hach	HAWACOM.L.G.C.M 40
13	Định lượng Coliform (*) Phần 1: Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)
14	Định lượng E.coli (*) Phần 1: Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)
15	Xác định hàm lượng Clo dư Phương pháp chuẩn độ	HAWACOM.L.G.C.M/39 (SMEWW 4500 Cl- F 2017)

Ghi chú:

“*”: Các chỉ tiêu đã được BoA công nhận đạt chuẩn ISO 17025:2017

“KPH”: Không phát hiện.

“LOD”: Giới hạn phát hiện.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/

The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



VILAS 1086

PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng TD31)

Ngày nhận mẫu	Thời gian thử nghiệm	Kí hiệu mẫu	Mùi vị	Độ Đục	pH	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Chỉ số Pecma nganat	Cl ⁻	Độ cứng	Fe _{TP}	As	Mn	Vi sinh		Clo du
															Colifor m	E.coli	
Đơn vị tính				NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100 ml	CFU/100 ml	mg/l
QCVN 01:2009/BYT			Không có mùi vị lạ	2	6.5- 8.5	3	3	50	2	250	300	0.3	0.01	0.3	0	0	0.3- 0.5
05/06/2020	05- 10/06/20	0620.819/3350	Không có mùi vị lạ	0.218	7.55	0	0	0.7	0.640	9.33	105	0	KPH (LOD = 0.003mg/L)	KPH (LOD = 0.025mg/L)	0	0	0.35
12/06/2020	12- 17/06/20	0620.861/3524	Không có mùi vị lạ	0.228	7.47	0	0	0.4	0.768	8.79	96	0	KPH (LOD = 0.003mg/L)	KPH (LOD = 0.025mg/L)	0	0	0.41
23/06/2020	23- 29/06/20	0620.927/3729	Không có mùi vị lạ	0.157	7.84	0	0	0.6	0.192	8.51	90	0	KPH (LOD = 0.003mg/L)	KPH (LOD = 0.025mg/L)	0	0	0.35

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Đặng Tiên Hưng

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Phương Linh

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Tiến Hưng

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/
The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department

HAWACOM.L.P.F 12/03

Lần ban hành: 01

Soát xét:

Trang: 1 / 3



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng TD31)

PHỤ LỤC PHƯƠNG PHÁP THỬ

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
1	Xác định mùi vị (*)	HAWACOM.L.G.C.M.01 (Reference: SMEWW 2150 : 2017 / TCVN 9719: 2013)
2	Độ đục (*)	SMEWW 2130 : 2017
3	Xác định pH (*)	TCVN 6492:2011
4	Xác định độ cứng, tính theo CaCO_3 (*) Phương pháp chuẩn độ EDTA	SMEWW 2340 C : 2017
5	Xác định hàm lượng Clorua (*) Chuẩn độ bạc Nitrat với chỉ thị cromat Phương pháp Mo	TCVN 6194:1996
6	Xác định chỉ số Pemanganat (*) Phương pháp chuẩn độ	TCVN 6186 :1996
7	Xác định hàm lượng sắt (Fe) Phương pháp Thiocyanate	HAWACOM.L.G.C.M 22
8	Xác định hàm lượng As (*) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS – GF	SMEWW 3113B:2017

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/
The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44 Yên Phụ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 024.3716.4243;

Fax: 024.3829.2671



PHIẾU THEO DÕI KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
(Nguồn thành phố cấp cho đồng hồ Tổng TD31)

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử
9	Xác định hàm lượng Mangan (*) Phương pháp AAS – F	SMEWW 3111B:2017
10	Xác định Amoni (NH ₄ ⁺) Phương pháp Nessler	HAWACOM.L.G.C.M 25
11	Xác định Nitrite (NO ₂ ⁻) Phương pháp so màu	HAWACOM.L.G.C.M 26
12	Xác định Nitrate (NO ₃ ⁻) Phương pháp Hach	HAWACOM.L.G.C.M 40
13	Định lượng Coliform (*) Phần 1: Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2009
14	Định lượng E.coli (*) Phần 1: Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2009
15	Xác định hàm lượng Clo dư Phương pháp chuẩn độ	SMEWW 4500 Cl- F 2017

Ghi chú:

“*” : Các chỉ tiêu đã được BoA công nhận đạt chuẩn ISO 17025:2017.

“KPH”: Không phát hiện.

“LOD”: Giới hạn phát hiện.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Kiểm tra chất lượng/

The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng KTCL/

The test result are printed in 02 copies; 01 copy is provided to customer; the other copy is stored at Quality control department